**KIỂM TRA GIỮA KÌ 1 - MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN - LỚP 6**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra giữa học kì 1 khi kết thúc tiết 18 “Ôn tập chủ đề 7”*

**- Thời gian làm bài:** *60 phút.*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

- Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm; gồm 16 câu hỏi, mỗi câu 0,25 điểm (*Nhận biết: 2,5 điểm; Thông hiểu: 1,5 điểm)*

- Phần tự luận: 6,0 điểm; gồm 05 câu hỏi *(Nhận biết: 1,5 điểm; Thông hiểu: 1,5 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Giáo viên ra đề** | | |
|  | **Nguyễn Văn Hiến** | **Phan Thị Lin Đa** | **Kiều Quốc Toàn** |

KHUNG MA TRẬN ĐỀ

| Chủ đề | MỨC ĐỘ | | | | | | | | Tổng số ý/ câu | | Điểm số |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | Vận dụng cao | |
| Tự luận | Trắc nghiệm | Tự luận | Trắc nghiệm | Tự luận | Trắc nghiệm | Tự luận | Trắc nghiệm | Tự luận | Trắc nghiệm |
| 1. Mở đầu – 7 tiết |  | 1 |  | 1 | 1 |  |  |  | **1** | **2** | **1** |
| 2. Các phép đo – 10 tiết (9 LT + 1 ÔT) |  | 2 | 1 | 2 | 1 |  | 1 |  | **3** | **4** | **2** |
| 3. Các thể (trạng thái) của chất. Oxygen (oxi) và không khí – 7 tiết (5LT + 2ÔT) |  | 1 | 1 | 1 | 1 |  |  |  | **2** | **2** | **2** |
| 4. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống – 8 tiết (7LT + 1ÔT) | 1 | 4 | 1 |  |  |  | 1 |  | **3** | **4** | **2,5** |
| 5. Từ tế bào đến cơ thể – 7 tiết (6LT + 1ÔT) | 1 | 2 |  | 2 | 1 |  |  |  | **2** | **4** | **2,5** |
| ***Số ý/ câu*** | **2** | **10** | **3** | **6** | **4** |  | **2** |  | **10 điểm** | | **10** |
| ***Điểm số*** | ***1,5*** | ***2,5*** | ***1,5*** | ***1,5*** | ***2*** |  | ***1*** |  |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | | **3,0 điểm** | | **2,0 điểm** | | **1,0 điểm** | |

# BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1 MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 6

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu (ý) TL/số câu hỏi TN** | | **Câu hỏi** | |
| **TL**  **Số câu (ý)** | **TN**  **(Số câu)** | **TL** | **TN** |
| **1. Mở đầu – 7 tiết** | | |  |  |  |  |
| - Giới thiệu về Khoa học tự nhiên. Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên  - Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong  phòng thực hành | **Nhận biết** | – Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên.  – Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống.  – Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành.  – Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên, các dụng cụ: đo chiều dài, đo thể tích, kính lúp, kính hiểm vi,...).  – Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học. | 1 | 1 | C1a. | C5 |
| **Thông hiểu** | – Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.  – Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống.  – Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành.  – Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành. |  | 1 |  | C7 |
| **2. Các phép đo – 10 tiết** (9LT + 1ÔT) | | |  |  |  |  |
| - Đo chiều dài, khối lượng  và thời gian  - Thang nhiệt độ Celsius, đo nhiệt độ | **Nhận biết** | - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng vụ đo thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian, thể tích.  - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được chiều dài, khối lượng, thời gian, thể tích trong một số trường hợp đơn giản.  - Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật.  - Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius.  - Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ. |  | 2 |  | C1,C2 |
| **Thông hiểu** | - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng (chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ)  - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được chiều dài, khối lượng, thời gian, thể tích trong một số trường hợp đơn giản. | 1 | 2 | C1b | C3,C4 |
| **Vận dụng** | - Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của mỗi loại dụng cụ đo.  - Dùng thước (cân, đồng hồ) để chỉ ra một số thao tác sai khi đo và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.  – Thực hiện đúng thao tác để đo được chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiêt độ) bằng thước (cân đồng hồ, đồng hồ, nhiệt kế) *(không yêu cầu tìm sai số).* | 1 |  | C1c |  |
| **Vận dụng cao** | - Thiết kế được phương án đo đường kính của ống trụ (ống nước, vòi máy nước), đường kính các trục hay các viên bi,..  - Thiết lập được biểu thức quy đổi nhiệt độ từ thang nhiệt độ Celsius sang thang nhiệt độ Fahrenheit, Kelvin và ngược lại.  - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiệt độ) khi quan sát một số hiện tượng trong thực tế ngoài ví dụ trong sách giáo khoa. | 1 |  | C1d |  |
| ***Các thể (trạng thái) của chất. Oxygen (oxi) và không khí*** – 7 tiết (5LT + 2ÔT) | | |  |  |  |  |
| – Sự đa dạng của chất  – Ba thể (trạng thái) cơ bản của  – Sự chuyển đổi thể (trạng thái) của chất | **Nhận biết** | Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh)  – Nêu được chất có ở xung quanh chúng ta.  – Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên.  - Nêu được chất có trong các vật thể nhân tạo.  - Nêu được chất có trong các vật vô sinh.  - Nêu được chất có trong các vật hữu sinh.  - Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc.  – Nêu được khái niệm về sự nóng chảy  – Nêu được khái niệm về sự sự sôi.  – Nêu được khái niệm về sự sự bay hơi.  – Nêu được khái niệm về sự ngưng tụ.  – Nêu được khái niệm về sự đông đặc. |  | 1 |  | C6 |
| **Thông hiểu** | - Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh.  – Nêu được tính chất vật lí, tính chất hoá học của chất.  – Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất.  – Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể rắn.  – Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể lỏng.  – Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể khí.  - So sánh được khoảng cách giữa các phân tử ở ba trạng thái rắn, lỏng và khí.  – Trình bày được quá trình diễn ra sự nóng chảy.  – Trình bày được quá trình diễn ra sự đông đặc.  – Trình bày được quá trình diễn ra sự bay hơi.  – Trình bày được quá trình diễn ra sự ngưng tụ.  – Trình bày được quá trình diễn ra sự sôi.  – Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...).  – Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu.  – Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước).  – Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên.  – Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. | 1 | 1 | C2a | C8 |
| **Vận dụng** | – Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể rắn sang thể lỏng của chất và ngược lại.  – Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể lỏng sang thể khí.  – Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí.  – Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm. | 1 |  | C2b |  |
| **Vận dụng cao** | - Dự đoán được tốc độ bay hơi phụ thuộc vào 3 yếu tố: nhiệt độ, mặt thoáng chất lỏng và gió.  - Đưa ra được biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí.  – Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. |  |  |  |  |
| ***Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống***  – 8 tiết (7LT + 1ÔT) | | |  |  |  |  |
| – Khái niệm tế bào  – Hình dạng và kích thước tế bào  – Cấu tạo và chức năng tế bào  – Sự lớn lên và sinh sản của tế bào  – Tế bào là đơn vị cơ sở của sự sống | **Nhận biết** | - Nêu được khái niệm tế bào, chức năng của tế bào.  - Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào.  - Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào.  - Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống.  - Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh. |  | 4 |  | C9  C10  C11  C12 |
| **Thông hiểu** | - Trình bày được cấu tạo tế bào với 3 thành phần chính (màng tế bào, tế bào chất và nhân tế bào).  - Trình bày được chức năng của mỗi thành phần chính của tế bào (màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào).  - Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống.  - Phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật; tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ thông qua quan sát hình ảnh.  – Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào → 2 tế bào → 4 tế bào... → *n* tế bào). | 1 |  | C3a |  |
| **Vận dụng** | - Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học.  - Học sinh vận dụng kiến thức về sự lớn lên và sinh sản của tế bào để giải thích một số hiện tượng thực tiễn | 1 |  | C3b |  |
| ***Từ tế bào đến cơ thể***  – 7 tiết (6LT + 1ÔT) | | |  |  |  |  |
| – Từ tế bào đến mô  – Từ mô đến cơ quan  – Từ cơ quan đến hệ cơ quan  – Từ hệ cơ quan đến cơ thể | **Nhận biết** | - Nhận biết được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào thông qua hình ảnh. Lấy được ví dụ minh hoạ (cơ thể đơn bào: vi khuẩn, tảo đơn bào, ...; cơ thể đa bào: thực vật, động vật,...). | 1 | 2 | C4a | C13  C14 |
| **Thông hiểu** | - Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể (từ tế bào đến mô, từ mô đến cơ quan, từ cơ quan đến hệ cơ quan, từ hệ cơ quan đến cơ thể). Từ đó, nêu được các khái niệm mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể. Lấy được các ví dụ minh hoạ. |  | 2 |  | C15  C16 |
| **Vận dụng** | - Thực hành:  + Quan sát và vẽ được hình cơ thể đơn bào (tảo, trùng roi, ...);  + Quan sát và mô tả được các cơ quan cấu tạo cây xanh;  + Quan sát mô hình và mô tả được cấu tạo cơ thể người. | 1 |  | C4b |  |

|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN MỘ ĐỨC  **TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRÃI**  (Đề kiểm tra có 03 trang) | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1**  **Năm học: 2022 - 2023**  **MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6**  Thời gian làm bài 60 phút |

**A. TRẮC NGIỆM: (4,0 điểm)** *Chọn phương án trả lời đúng nhất cho các câu sau và ghi vào tờ làm bài:*

**Câu 1. Đơn vị đo khối lượng trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. tấn. | B. miligam. | C. kilôgam. | D. gam. |

**Câu 2.** **Dụng cụ nào sau đây được sử dụng để đo khối lượng của một vật?**

A. Cân đồng hồ B. Thước dây

C. Bình chia độ D. Nhiệt kế

**Câu 3.** **Trước khi đo chiều dài của vật ta thường ước lượng chiều dài của vật để**

A. lựa chọn thước đo phù hợp. B. đặt mắt đúng cách.

C. đọc kết quả đo chính xác. D. đặt vật đo đúng cách.

**Câu 4.** **Thước thích hợp để đo bề dày quyển sách Khoa học tự nhiên 6 là**

A. thước dây có giới hạn đo 1 m và độ chia nhỏ nhất 1 cm.

B. thước kẻ có giới hạn đo 10 cm và độ chia nhỏ nhất 1 mm.

C. thước cuộn có giới hạn đo 3 m và độ chia nhỏ nhất 5 cm.

D. thước thẳng có giới hạn đo 1,5 m và độ chia nhỏ nhất 1 cm.

**Câu 5. Kí hiệu cảnh báo nào sau đây cho biết em đang ở gần vị trí có hóa chất độc hại?**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| C:\Users\Ngoc Lien\OneDrive\Hình ảnh\Ảnh chụp màn hình\Screenshot (16).png | C:\Users\Ngoc Lien\OneDrive\Hình ảnh\Ảnh chụp màn hình\Screenshot (14).png | C:\Users\Ngoc Lien\OneDrive\Hình ảnh\Ảnh chụp màn hình\Screenshot (17).png | C:\Users\Ngoc Lien\OneDrive\Hình ảnh\Ảnh chụp màn hình\Screenshot (15).png |
| A. Kí hiệu A. | B. Kí hiệu B. | C. Kí hiệu C. | D. Kí hiệu D. |

**Câu 6. Trong các bệnh viện, bác sĩ thường cho những bệnh nhân bị hôn mê hay có vấn đề về đường hô hấp thở bằng khí oxygen. Ứng dụng đó dựa vào tính chất nào sau đây của oxygen?**

**A. Oxygen duy trì sự cháy. B. Oxygen ít tan trong nước.**

**C .Oxygen duy trì sự sống. D. Oxygen nặng hơn không khí.**

**Câu 7. Việc làm nào sau đây được cho là không an toàn trong phòng thực hành?**

**A. Đeo găng tay khi lấy hóa chất.**

**B. Tự ý làm các thí nghiệm.**

**C. Sử dụng kính bảo vệ mắt khi làm thí nghiệm.**

**D. Rửa tay trước khi ra khỏi phòng thực hành.**

**Câu 8. Vật nào sau đây gọi là vật không sống?**

**A. Con ong. B. Vi khuẩn. C. Than củi. D. Cây cam.**

**Câu 9. Quan sát tế bào dưới và cho biết mũi tên đang chỉ vào thành phần nào của tế bào?**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | A. Màng tế bào.  C. Nhân tế bào. | B. Chất tế bào.  D. Vùng nhân. |

**Câu 10. Lục lạp ở tế bào thực vật thực hiện chức năng gì?**

A. Thoát hơi nước. B. Quang hợp.

C. Điều khiển hoạt động sống của tế bào. D. Hô hấp.

**Câu 11. Tế bào nhân sơ KHÔNG CÓ CẤU TẠO bởi thành phần nào dưới đây?**

A. Chất tế bào. B. Lục lạp.

C. Nhân. D. Màng tế bào.

**Câu 12. Vật nào sau đây có cấu tạo từ tế bào?**

A. Xe ô tô. B. Cây cầu.

C. Cây bạch đàn. D. Ngôi nhà.

**Câu 13. Cơ thể nào sau đây là đơn bào?**

A. Hải cẩu. B. Trùng giày.

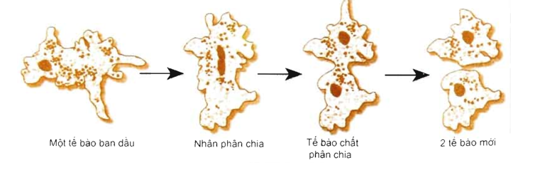
C. Virus corona. D. Cua biển.

**Câu 14.** **Đơn vị cấu tạo và chức năng cơ bản của mọi cơ thể sống là:**

A. tế bào B. mô

C. cơ quan D. hệ cơ quan

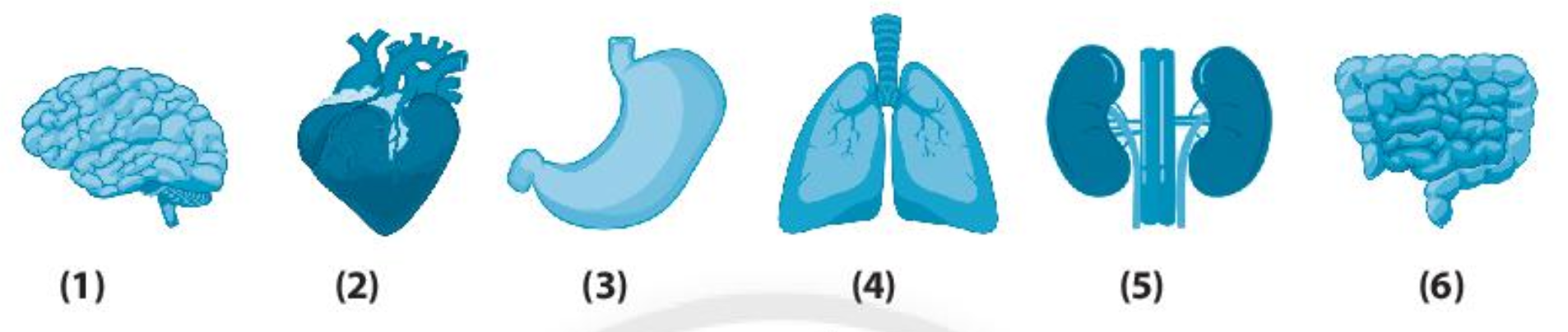
**Câu 15.** **Quan sát hình sau đây về trùng biến hình và cho biết đây là quá trình nào?**



A. Sinh trưởng B. Thực bào

C. Biến hình D. Sinh sản

**Câu 16.** **Quan sát một số cơ quan sau, hãy cho biết hệ tiêu hoá gồm những cơ quan nào?**



A. (3) và (6) B. (1) và (4)

C. (2) và (5) D. (3) và (4)

**B. TỰ LUẬN: (6,0 điểm)**

**Câu 1.** *( 1,5 điểm)*

**a.** Nêu tên các lĩnh vực chính của Khoa học tự nhiên?

**b.** Để đo thời gian khi đi bộ từ cổng trường vào lớp học em có cần ước lượng thời gian không? Vì sao?

**c.** Có 10 túi đường, ban đầu mỗi túi có khối lượng 1kg, sau đó người ta cho thêm mỗi túi 2 lạng đường nữa. Hãy tính khối lượng của 10 túi đường khi đó.

**d.** Cho các dụng cụ sau:

- Một sợi chỉ dài 50 cm;

- Một chiếc thước kẻ có giới hạn đo 50 cm;

- Một cái đĩa tròn.

Hãy nêu phương án đo chu vi của cái đĩa đó.

**Câu 2.** *(1,5 điểm)*

**a.** Em hãy chỉ ra đâu là vật thể tự nhiên, đâu là vật thể nhân tạo, đâu là chất trong các câu sau đây:

- Trong quả chanh có nước, axit xitric và một số chất khác.

- Bóng đèn điện được chế tạo từ thủy tinh, đồng và vonfam.

- Cốc bằng thủy tinh dễ vỡ so với cốc bằng chất dẻo.

**b.** Là một học sinh, em sẽ làm gì bảo vệ môi trường không khí?

**Câu 3.** *(1,0 điểm)*

**a.** Nêu ý nghĩa sự lớn lên và sinh sản của tế bào?

**b.** Trong thực tế một số động vật như: Thạch sùng, Thằn lằn bóng, Tắc kè…khi đuôi bị đứt sau thời gian sẽ mọc lại. Vận dụng kiến thức “Tế bào – Đơn vị cơ sở của sự sống” em giải thích hiện tượng mọc đuôi trở lại của một số loài động vật.

**Câu 4.** *(1,5 điểm)*

**a.** Quan sát các hình từ 1 đến 5 hãy gọi tên và sắp xếp theo sơ đồ cho phù hợp các cấp độ tổ chức của cơ thể đa bào tương ứng.



**b.** Trong một buổi tham quan cùng các bạn trong lớp, Nam quan sát các sinh vật và nhận định rằng “Tất cả các sinh vật sống ở các môi trường khác nhau đều có các cấp độ tổ chức cơ thể giống nhau”. Em hãy giải thích nhận định trên.

........................................ HẾT..............................................

(Giám thị coi thi không giải thích gì thêm)

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

**A. Phần I: Trắc nghiệm**

**Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 đ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| **Đáp án** | C | A | A | B | D | C | B | C |
| **Câu** | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| **Đáp án** | C | B | C | C | B | A | D | A |

**B. Phần II: Tự luận**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1**  **( 1,5điểm)** | a/ Các lĩnh vực chính của KHTN Vật lí học, Hoá học, Sinh học, Khoa học Trái Đất, Thiên văn học.  b/   Khoảng thời gian đi bộ từ cổng trường vào lớp học ngắn,  nên để kết quả đo chính xác ta phải ước lượng thời gian và chọn đồng hồ đo phù hợp.  c/ Khối lượng của 10 túi đường khi đó.  m = 10 + 0,2x10 = 12kg  d/  - Dùng sợi chỉ quấn một vòng quanh đĩa. Đánh dấu chiều dài một vòng của sợi chỉ.   -  Dùng thước kẻ đo chiều dài sợi chỉ vừa đánh dấu. Kết quả đo chính là chu vi của đĩa | **0,5đ**  **0,25**  **0,5**  **0,25** |
| **Câu 2**  **( 1,5điểm)** | a/   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Vật thể tự nhiên | Vật thể nhân tạo | Chất | | Quả chanh |  | Nước, axit xitric | |  | Bóng đèn điện | Thủy tinh, đồng, vonfam | |  | Cốc | Thủy tinh, chất dẻo |   b/ HS có thể nêu ra một số biện pháp bảo vệ không khí  - Trồng cây xanh  - Không xã rác bừa bãi  - Không sử dụng bao nilon, hộp xốp  - Tuyên truyền mọi người bảo vệ kk…. | **0,75**  **0,75** |
| **Câu 3.**  **(1điểm)** | a/ Sự lớn lên và sinh sản của tế bào là cơ sở cho sự lớn lên của sinh vật, giúp thay thế các tế bào bị tổn thương hoặc tế bào chết ở sinh vật.  b/ Do các tế ở vị trí đuôi của các sinh vật như Thạch sùng, thằn lằn bóng, tắc kè…có khả năng lớn lên sinh sản và thay thế các tế bào đã mất. | **0,5**  **0,5** |
| **Câu 4.**  **a)**  **(1 điểm)**  **b)**  **(0,5 điểm)** | - Gọi tên: Hình 1 (Mô); Hình 2 (Cơ quan); Hình 3 (Cơ thể); Hình 4 (Hệ cơ quan); Hình 5 (Tế bào).  - Sắp xếp: Hình 5 (Tế bào) → Hình 1 (Mô) → Hình 2 (Cơ quan) → Hình 4 (Hệ cơ quan) → Hình 3 (Cơ thể). | **0,5**  **0,5** |
| Giải thích: Ý kiến của Nam đưa ra chưa chính xác vì trong thực tế sinh vật có 2 cấp độ cơ thể:  - Cơ thể đơn bào: Chỉ cấu tạo từ một tế bào thực hiện được mọi chức năng của một cơ thể sống như một số động vật đơn bào  - Cơ thể đa bào được cấu tạo từ nhiều tế bào, các tế bào khác nhau thực hiện các chức năng khác nhau trong cơ thể và có các cấp độ tổ chức như: tế bào, mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể | **0,25**  **0,25** |